



[kingston.com/ssd](http://kingston.com/ssd)

## Ổ SSD DC1500M ENTERPRISE U.2 NVME

### Lưu trữ PCIe NVMe Gen 3.0 x4 cho lượng công việc hỗn hợp

Ổ SSD Kingston U.2 NVMe DC1500M có dung lượng lưu trữ lớn và hiệu năng doanh nghiệp được cải thiện. Ổ có thiết kế PCIe NVMe Gen 3.0 x4 hiệu suất cao để mang lại độ trễ thấp và độ nhất quán IOPS. DC1500M được hỗ trợ bởi các yêu cầu QoS nghiêm ngặt để bảo đảm hiệu năng IO ngẫu nhiên có thể dự đoán cũng như độ trễ có thể dự đoán trên một phạm vi lượng công việc lớn.

Thiết kế kích thước U.2 (2,5", 15 mm) hoạt động thông suốt với những máy chủ và mảng lưu trữ mới nhất tận dụng hệ thống mặt sau PCIe và U.2. DC1500M có thể cắm nóng (hot pluggable), giúp giảm thiểu phiền nhiễu liên quan tới bộ lưu trữ PCIe có thể tháo ra.

Ổ cũng trang bị các tính năng cấp doanh nghiệp như bảo vệ đường dẫn từ đầu đến cuối, quản lý không gian tên, bảo vệ khi mất điện (PLP) và giám sát đo từ xa để tăng độ tin cậy của trung tâm dữ liệu. Sản phẩm được hỗ trợ trước và sau khi bán hàng và được bảo hành giới hạn 5 năm<sup>6</sup>. Dung lượng từ 960 GB đến 7,6 TB<sup>1</sup>.

#### Ứng dụng

Ổ khối lượng công việc "hỗn hợp" lý tưởng để chạy nhiều ứng dụng khách hàng khác nhau, bao gồm:

- Ảo hóa
- Dịch vụ đám mây hiệu năng cao
- Cache lưu trữ web
- Quay/chụp và vận chuyển nội dung phương tiện có độ phân giải cao
- Khối lượng dữ liệu cho các công nghệ ERP, CRM, GL, OLAP, OLTP, ERM và EDW

- › Ổ SSD cấp Doanh nghiệp U.2 PCIe NVMe Gen 3.0 x4
- › Tốc độ vượt trội lên đến 3 GB/giây
- › Độ trễ thấp và độ ổn định I/O có thể dự đoán
- › Bảo vệ khi mất điện (PLP) trên bo mạch

## ĐẶC TÍNH/TIỆN ÍCH

**Hiệu năng NVMe trung tâm dữ liệu** — Độ ổn định I/O đáng kinh ngạc với tốc độ ổn định lên đến 3GB/giây và 510K IOPS.

**Lưu trữ hỗn hợp cấp doanh nghiệp** — Sự cân bằng xuất sắc giữa I/O ổn định và hiệu năng IOPS đọc và ghi cao để quản lý nhiều khối lượng công việc giao dịch khác nhau.

**Giảm độ trễ của ứng dụng** — Chất lượng dịch vụ (QoS) mang lại độ trễ giao dịch cực thấp cho các tập dữ liệu lớn và các ứng dụng nền web khác nhau.

**Bảo vệ khi mất điện (PLP) trên bo mạch** — Bảo vệ cấp doanh nghiệp để giảm khả năng mất hoặc hỏng dữ liệu trong những tình huống mất điện bất ngờ.

## MÃ SẢN PHẨM Ổ SSD BGA

### Kích cỡ

U.2, 2,5" x 15 mm

### Giao diện

PCIe NVMe Gen3 x4

### Các mức dung lượng<sup>1</sup>

960GB, 1,92TB, 3,84TB, 7,68TB

### NAND

3D TLC

### Đọc/ghi tuần tự

960GB – 3.100/1.700MB/giây 1,92TB – 3.300/2.700MB/giây  
3,84TB – 3.100/2.700MB/giây 7,68TB – 3.100/2.700MB/giây

### Đọc/ghi 4k ở trạng thái ổn định

960GB – 440.000/150.000 IOPS 1,92TB – 510.000/220.000 IOPS  
3,84TB – 480.000/210.000 IOPS 7,68TB – 420.000/200.000 IOPS

### Chất lượng dịch vụ Độ trễ (QoS)<sup>2, 3, 4</sup>

99,9 - đọc/ghi: <110 μs / <206 μs

### Cân bằng hao mòn tĩnh và động

Có

### Bảo vệ khi mất điện (tụ điện)

Có

### Hỗ trợ quản lý không gian tên

Có - hỗ trợ quản lý 64 không gian tên

### Chẩn đoán doanh nghiệp

Đo lường từ xa, hao mòn phương tiện, nhiệt độ, sức khỏe và hạt kỹ lỗi, v.v.

### Độ bền

960GB — 1681 TBW<sup>5</sup> (1 DWPD/5 năm)<sup>5</sup> (1,6 DWPD/3 năm)<sup>5</sup>  
1,92TB — 3362 TBW<sup>5</sup> (1 DWPD/5 năm)<sup>5</sup> (1,6 DWPD/3 năm)<sup>5</sup>  
3,84TB — 6725 TBW<sup>5</sup> (1 DWPD/5 năm)<sup>5</sup> (1,6 DWPD/3 năm)<sup>5</sup>  
7,68TB — 13450 TBW<sup>5</sup> (1 DWPD/5 năm)<sup>5</sup> (1,6 DWPD/3 năm)<sup>5</sup>

### Tiêu thụ điện năng

960GB – Nghỉ: 6,30W Đọc trung bình: 6,21W Ghi trung bình: 11,40W  
Đọc tối đa: 6,60W Ghi tối đa: 12,24W

1,92TB – Nghỉ: 6,60W Đọc trung bình: 6,30W Ghi trung bình: 13,7W  
Đọc tối đa: 6,63W Ghi tối đa: 15,36W

3,84TB – Nghỉ: 6,8W Đọc trung bình: 6,40W Ghi trung bình: 14,20W  
Đọc tối đa: 7W Ghi tối đa: 16W

7,68TB – Nghỉ: 7W Đọc trung bình: 7,30W Ghi trung bình: 17,14W  
Đọc tối đa: 8,16W Ghi tối đa: 20,88W

### Nhiệt độ hoạt động

0°C ~ 70°C

### Kích thước

100,09 mm x 69,84 mm x 14,75 mm

### Trọng lượng

960GB — 145g 1,92TB — 150g  
3,84TB — 155g 7,68TB — 160g

### Độ rung hoạt động

2,17G tối đa (7–800Hz)

### Độ rung không hoạt động

20G tối đa (10–2000Hz)

### Tuổi thọ trung bình

2 triệu giờ

### Bảo hành/hỗ trợ<sup>6</sup>

bảo hành giới hạn 5 năm kèm hỗ trợ kỹ thuật miễn phí



## MÃ SẢN PHẨM

DC1500M
SEDC1500M/960G
SEDC1500M/1920G
SEDC1500M/3840G
SEDC1500M/7680G

- Một phần dung lượng của ổ lưu trữ flash nếu trên được sử dụng cho định dạng và các chức năng khác và do đó không thể khả dụng để lưu trữ dữ liệu. Do đó, dung lượng thực của thiết bị luôn nhỏ hơn mức công bố trên sản phẩm. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập Hướng dẫn về bộ nhớ Flash của Kingston tại [kingston.com/flashguide](http://kingston.com/flashguide).
- Khối lượng công việc dựa trên FIO, khối lượng công việc 4KB Ngẫu nhiên QD=1, được tính là thời gian cần để 99,9 phần trăm các lệnh hoàn thành quá trình di chuyển khứ hồi từ thiết bị chủ đến ổ và về lại thiết bị chủ.
- Phép đo được tiến hành khi công việc đã đạt đến trạng thái ổn định nhưng bao gồm tất cả mọi hoạt động ngẫu nhiên thiết để hoạt động bình thường và bảo đảm độ tin cậy dữ liệu.
- Dựa trên dung lượng 1920GB.
- Tổng số byte được ghi (TBW) và Khối lượng ghi lên ổ mỗi ngày (DWPD) được rút ra từ JEDEC Client Workload (JESD219A).
- Bảo hành giới hạn trong 5 năm hoặc khi việc sử dụng ổ SSD NVMe như thể hiện bởi việc thực thi thuộc tính Sức khỏe của Kingston "Tỷ lệ phần trăm sử dụng" đạt đến hoặc vượt giá trị chuẩn hóa là một trăm (100) như thể hiện bởi Kingston SSD Manager ([kingston.com/SSDManager](http://kingston.com/SSDManager)). Đối với SSD NVMe, một sản phẩm mới chưa dùng sẽ hiển thị giá trị Tỷ lệ phần trăm sử dụng là 0, trong khi một sản phẩm đạt giới hạn bảo hành sẽ thể hiện giá trị Tỷ lệ phần trăm sử dụng lớn hơn hoặc bằng một trăm (100).



TÀI LIỆU NÀY CÓ THỂ THAY ĐỔI MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO.

©2021 Kingston Technology Far East Corp. (Asia Headquarters) No. 1-5, Li-Hsin Rd. 1, Science Park, Hsin Chu, Taiwan.

Các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và các nhãn hiệu thương mại là tài sản của các chủ sở hữu tương ứng MKD-437.1 VN

**Kingston**  
TECHNOLOGY